

Phương pháp truyền đạt các yếu tố ngôn ngữ - văn hóa trong hoạt động dạy tiếng Việt cho sinh viên Trung Quốc

ThS. ZHANG XUAN

Đại học Kỹ thuật Nghề nghiệp Nam Ninh, Trung Quốc;
Email: zxmaggie@163.com

TS. PHẠM THỊ THUY LINH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
Email: t.huylinh.hnue@gmail.com

Tóm tắt: Trong dạy học ngoại ngữ nói chung và dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ nói riêng, các kiến thức, trải nghiệm về ngôn ngữ luôn song hành với những hiểu biết của người dạy, người học về những đặc trưng văn hóa bao hàm trong ngôn ngữ. Tìm hiểu ngôn ngữ của một quốc gia không thể tách rời mục đích khám phá những nét đẹp văn hóa tiềm ẩn trong ngôn ngữ của quốc gia đó. Dựa trên cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, từ thực tiễn dạy và học tiếng Việt ở Trung Quốc, chúng tôi phân tích và đề xuất các vấn đề cần lưu ý khi truyền đạt các yếu tố ngôn ngữ - văn hóa trong việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói chung và sinh viên Trung Quốc nói riêng.

Từ khóa: dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ; dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; dạy tiếng Việt cho người Trung Quốc; ngôn ngữ - văn hóa.

1. Những vấn đề chung về phương pháp giảng dạy các vấn đề ngôn ngữ - văn hóa tiếng Việt cho người nước ngoài.

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ - tư duy - văn hóa được coi là mối quan hệ "kiềng ba chân" trong hoạt động thụ đắc ngôn ngữ, đã được các nhà ngôn ngữ học trên thế giới (như W.Humboldt, F. de Saussure, F.Boas, E.Sapir...) và các nhà Việt ngữ học (như Lý Toàn Thắng, Trần Văn Cơ, Nguyễn Lai, Cao Xuân Hạo, Đào Thân...) thừa nhận. Trong ngôn ngữ, đặc trưng văn hóa, dân tộc được biểu hiện trên nhiều phương diện, mà từ và ý nghĩa của từ là phương diện thể hiện rõ nét nhất đặc điểm tri nhận về thế giới của một dân tộc. Trong từ ngữ của một ngôn ngữ cụ thể, xét từ bình diện văn hóa tộc người, ta đều thấy có bóng dáng của nền văn hóa và đời sống đa dạng của dân tộc đó. Ngôn ngữ không tồn tại ngoài văn hóa, từ vựng của một ngôn ngữ đều phản ánh ít nhiều trung thành nền văn hóa mà nó phục vụ⁽¹⁾.

Vận dụng các lý thuyết ngôn ngữ học, đặc biệt là ngôn ngữ học tri nhận đã đề xướng phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ mới với hệ thống khái niệm lý thuyết mới như "mô hình tri nhận", "ẩn dụ ý niệm", "không gian tinh thần" vào giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, giúp chúng ta vừa có một cơ sở văn hóa vững chắc để lý giải nhiều hiện tượng ngôn ngữ phong phú cho người học, vừa đi đúng mục tiêu gắn liền việc học ngôn ngữ của một dân tộc với văn hóa giao tiếp của dân

tộc đó. Dựa trên các nguyên tắc quan trọng khi vận dụng ngôn ngữ học tri nhận vào phát triển năng lực từ ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài như: Nguyên tắc phát triển năng lực từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh, trình độ, năng lực tri nhận của người học, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, các biện pháp dạy học hiện đại theo hướng vận dụng Ngôn ngữ học tri nhận đang được nghiên cứu và áp dụng có thể kể đến là: Biện pháp tạo lập bản đồ tư duy về mạng lưới từ, Biện pháp sử dụng mô hình tri nhận, Biện pháp sử dụng thông tin ngữ cảnh tình huống và phong nền tri thức của người học⁽²⁾.

Tuy nhiên, việc vận dụng các hệ thống lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào nghiên cứu, dạy và học tiếng Việt trên phương diện là một ngoại ngữ nói chung, giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ - văn hóa trong tiếng Việt cho người nước ngoài nói riêng hiện nay ở Việt Nam cũng như Trung Quốc còn chưa thực sự phổ biến. Một nghiên cứu mới đây khảo sát về việc sử dụng các phương pháp dạy học từ ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài với 66 giáo viên tại các trường Đại học lớn ở Hà Nội cho thấy: Các thầy cô giáo thường xuyên sử dụng hoạt động mở rộng vốn từ thông qua việc liên hệ với những hiểu biết sẵn có của người học về văn hóa và tiếng mẹ đẻ (63,7%) hoặc thông qua việc chơi trò chơi học tập (45,5%). Việc vận dụng bản đồ tư duy hay tạo lập các mô hình tri nhận ngôn ngữ chỉ được rất ít thầy cô áp dụng (15,2 - 18,2%)⁽³⁾. Như vậy, phần lớn các thầy cô vẫn sử dụng

các phương pháp truyền thống khi giảng dạy tiếng Việt cho học viên nước ngoài. Trong bối cảnh giao lưu văn hóa đang diễn ra sôi động trên toàn cầu, nhu cầu học tiếng Việt một cách bài bản, chuyên sâu của người nước ngoài đang ngày càng mạnh mẽ, thì việc từng bước nghiên cứu, tìm hiểu và áp dụng các phương pháp mới vào giảng dạy, đặc biệt là giảng dạy các vấn đề là hết sức cần thiết và cần được quan tâm thỏa đáng.

2. Ý nghĩa của việc tiếp cận các yếu tố ngôn ngữ - văn hóa tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc.

Năm 2022, trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định hợp tác về giáo dục. Hiệp định quan trọng này đánh dấu sự phát triển hợp tác giáo dục giữa hai nước. Bên cạnh đó, trong chuyến thăm Việt Nam gần đây của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình, hợp tác giáo dục cũng là một trong những nội dung được đề cập đến trong Tuyên bố chung giữa hai nước.

Trải qua quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa lâu dài nhiều thế kỷ, ngôn ngữ, văn hóa hai quốc gia đã có sự giao thoa, tương đồng trên nhiều phương diện, từ phương diện từ vựng, chữ viết với lượng từ Hán Việt chiếm số lượng lớn trong kho từ vựng tiếng Việt đến phương diện cấu trúc ngữ pháp với phương thức tạo câu theo trật tự từ chủ ngữ - vị ngữ - tân ngữ, động từ không biến đổi theo thời gian, thứ tự hay ngôi, sử dụng các từ chỉ quan hệ (particles) để làm rõ mối quan hệ ngữ pháp giữa các từ trong câu. Những nét tương đồng này giúp cho sinh viên Trung Quốc có được những ưu thế nổi trội khi học tiếng Việt, và sinh viên Việt Nam cũng có ưu thế này khi học ngôn ngữ tiếng Trung.

Tuy nhiên, vẫn có những đặc trưng ngôn ngữ, đặc biệt là các yếu tố văn hóa riêng đòi hỏi sự hiểu biết, phong nền văn hóa dày dặn và phương pháp truyền đạt mới mẻ, hấp dẫn của người dạy để giúp người học dễ dàng tiếp cận và vận dụng. Chẳng hạn như yếu tố ngữ khí của từ tiếng Việt được đánh giá là phương tiện đặc biệt trong biểu hiện ngôn ngữ, có chức năng giao tiếp phong phú, mang lại cho ngôn ngữ sự biểu cảm và có thể thể hiện chính xác thái độ, ý định và cảm xúc của người nói nhưng việc thuần thục nắm giữ và vận dụng trở thành một điểm khó khăn lớn⁽⁴⁾.

3. Một số đề xuất về phương pháp dạy các vấn đề ngôn ngữ - văn hóa tiếng Việt cho sinh viên Trung Quốc.

3.1. Các nguyên tắc cần lưu ý khi dạy các vấn đề ngôn ngữ - văn hóa

- *Đảm bảo tính tư tưởng:* Việc dạy ngôn ngữ phải

góp phần giáo dục tư tưởng, đạo đức, tình cảm, thế giới quan khoa học cho người học, vun đắp những nhận thức, tư duy, tình cảm đúng đắn, tốt đẹp về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Mỗi người dạy tiếng Việt sẽ đóng vai trò là một đại sứ ngôn ngữ và văn hóa, góp phần vào việc củng cố mối quan hệ ngày càng gắn bó giữa các quốc gia, phá bỏ các rào cản ngôn ngữ để giúp người nước ngoài nói chung và sinh viên Trung Quốc nói riêng nhanh chóng hòa nhập và gắn bó với ngôn ngữ mới, khơi dậy niềm yêu thích khám phá vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam.

- *Đảm bảo tính vừa sức và phù hợp với trình độ của người học:* Do những nét gần gũi tương đồng về văn hóa, sinh viên Trung Quốc có thể không gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận với các vấn đề văn hóa thông qua ngôn ngữ. Tuy nhiên, khi trình bày các vấn đề văn hóa thông qua dạy ngôn ngữ tiếng Việt, người dạy cần có định hướng, có kế hoạch và phân bổ nội dung phù hợp với từng cấp độ, từng năng lực nhận thức, mục tiêu học tập của người học.

- *Đảm bảo mối quan hệ hữu cơ giữa dạy học tri thức và rèn luyện kỹ năng:* Nội dung dạy học được thể hiện trong các giáo trình, tài liệu dạy tiếng Việt cho người nước ngoài bao giờ cũng thể hiện một cách rõ ràng và cân đối hợp lý giữa phân tri thức tiếng Việt và kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Vì vậy, việc tổ chức dạy học cũng phải đảm bảo được tính thống nhất hữu cơ của việc dạy học tri thức và rèn luyện các kỹ năng thuộc đề mục đã được trình bày để nói, nghe, đọc, viết. Nên hạn chế cách thức dạy học nêu lý thuyết trước rồi thực hành minh họa sau.

- *Phát huy tối đa điểm gặp gỡ giữa tư duy văn hóa của người Việt Nam và Trung Quốc:* Khi bắt đầu tiếp xúc với tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, người học đã có sẵn trong tâm thức một bảng giá trị văn hóa của đất nước nơi họ sinh ra và lớn lên. Ở giai đoạn tiếp xúc ban đầu, so sánh đối chiếu có thể nói là phương pháp chủ đạo. Họ so sánh và rút ra những kinh nghiệm trong phép ứng xử hàng ngày. Sự so sánh đối chiếu này giúp họ phát hiện ra những khác biệt và những tương đồng văn hóa. Ở những giai đoạn sau, dựa trên những kinh nghiệm, những hiểu biết đã tích lũy được, người học sẽ tìm ra những nét văn hóa chung, có tính hệ thống thông qua thao tác loại suy và tổng hợp. Do đó, trong việc giới thiệu văn hóa Việt Nam qua giảng dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai, cần áp dụng một cách hợp lý các thao tác so sánh - đối chiếu, loại suy, tổng hợp.

3.2. Một số biện pháp dạy học theo hướng ngôn ngữ

học tri nhận có thể áp dụng trong việc dạy các vấn đề ngôn ngữ - văn hóa cho sinh viên Trung Quốc.

- Tạo lập bản đồ tư duy về mạng lưới từ: Với tư cách là một công cụ hiển thị, bản đồ tư duy là phương tiện rất hữu ích giúp con người vận dụng khả năng liên tưởng, tái hiện, lưu trữ được một dung lượng lớn những thông tin đa dạng và phức tạp. So với việc học từ ngữ thông qua việc lập danh sách hay liệt kê các từ, việc học và phát triển vốn từ theo phương pháp này thể hiện những ưu điểm vượt trội trong việc thúc đẩy hoạt động ghi nhớ và phát triển khả năng tạo lập từ ngữ mới của người học.

- Sử dụng mô hình tri nhận: Đối với ý nghĩa của từ, các đặc trưng văn hóa - dân tộc thể hiện rõ nét ở quá trình chuyển nghĩa và các ý nghĩa biểu trưng của một từ nhiều nghĩa. Trong quá trình này, kiểu tư duy phạm trù - bản chất của sự ẩn dụ, hoán dụ ý niệm trở thành cơ chế tri nhận của một số nhóm từ ngữ. Vì thế, áp dụng phương pháp này vừa giúp người học dễ dàng mở rộng vốn từ, vừa có thể lồng ghép các tri thức văn hóa đặc trưng giúp cho việc học ngoại ngữ trở nên thú vị.

Ví dụ, người Việt Nam khi nói *ăn com, nấu com, bữa com* có nghĩa là bao hàm cả những thành tố khác mà không chỉ là duy nhất thành tố *com*. *Ăn com* = *com* + *các món ăn khác*. Vì thế khi học từ *bữa com*, có thể dạy học viên một mạng lưới các từ ngữ như: *nước mắm, canh, rau, món mặn, món kho, món rán, nồi niêu bát đĩa, dưa, thìa...*

Hay như tư duy ẩn dụ dùng các từ chỉ thức ăn, chi động vật để liên tưởng tới các bình diện khác nhau trong đời sống cũng là một đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa thú vị: Người Việt có *da bánh mật, má bánh đúc, trắng như trứng gà bóc, tóc muối tiêu, răng hạt bắp...* đó là mô hình thức ăn và vẻ bề ngoài của con người; *thất đức lưng ong, mắt bồ câu, mồm cá ngỗng, chậm như rùa, nhanh như cắt, gà trống nuôi con, cá nằm trên thớt, chuột sa chĩnh gạo...* đó là mô hình động vật và đặc điểm, tính cách, thân phận con người.

- Sử dụng thông tin ngữ cảnh tình huống và phong nền tri thức của người học: Tùy thuộc vào trình độ, phong nền tri thức của người học, giáo viên có thể áp dụng phương pháp này trong việc dạy các vấn đề ngôn ngữ - văn hóa. Việc đặt một từ ngữ, cụm từ vào cảnh huống sử dụng trong đó kết hợp hài hòa các yếu tố đặc trưng văn hóa đời sống sẽ giúp người học hiểu một cách trọn vẹn, sâu sắc và dễ dàng vận dụng vào các trường hợp cụ thể.

Chẳng hạn khi dạy sinh viên Trung Quốc các câu thành ngữ có nguồn gốc là chữ Hán - Việt, sinh viên sẽ

tiếp thu dễ dàng.

Bát can tử đã bắt trư [八竿子打不着]: Bản đại bác cũng không tới

Bệnh cấp loạn đầu y [病急乱投医]: Có bệnh thì vãi tứ phương

Biệt ngôn chi quá tảo [别言之过早]: Nói trước bước không qua; Ba mươi chưa phải là tết

Bồn khẩu chiết thiệt [笨口拙舌]: Miệng ngốc, lưỡi vụng về; Ăn không nên đợi, nói không nên lời.

Khất cái thảo nhục tổng [乞丐讨肉粽]: (Nghĩa: Ăn mày đòi bánh có thịt); Ăn mày đòi xôi gấc.

Ngoài ra, việc dạy tiếng Việt qua các bài hát, bài đồng dao Trung Quốc có lời Việt khi áp dụng với học viên trình độ nâng cao cũng hỗ trợ rất tốt cho quá trình thụ đắc ngôn ngữ mới nhờ sự gần gũi trong ca từ, giai điệu, cảm xúc tri nhận quen thuộc đối với người học.

Như vậy, dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài nói chung và sinh viên Trung Quốc nói riêng là lĩnh vực đòi hỏi sự đầu tư công sức, không ngừng đổi mới phương pháp và hình thức truyền đạt. Đặc biệt là đối với các vấn đề ngôn ngữ - văn hóa phong phú và phức tạp, cả người học và người dạy đều cần những nỗ lực cũng như những phong nền tri thức, kinh nghiệm, văn hóa nhất định. Việc áp dụng các lý thuyết hiện đại của Ngôn ngữ học tri nhận vào lĩnh vực này là rất cần thiết và cần được đầu tư quan tâm thỏa đáng trong bối cảnh hiện nay. Đây cũng là mục tiêu chiến lược của Trung Quốc trong kế hoạch hội nhập văn hóa truyền thống Trung Quốc vào giáo dục ngoại ngữ của các trường đại học. [Hội nhập giữa hai bên là nhu cầu chiến lược quốc gia, là con đường hữu hiệu đào tạo nhân tài ngôn ngữ - văn hóa, đồng thời cũng có lợi cho việc tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường việc làm của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ⁽¹⁾].

(1) Nguyễn Thượng Hùng (2006), *Ý nghĩa của ngôn từ trong những nền văn hóa khác nhau*, Ngôn ngữ, số 6, tr.67.

(2), (4), (5), (6) Đỗ Phương Thảo (2023), *Ngôn ngữ học tri nhận và việc dạy học từ ngữ tiếng Việt cho người nước ngoài*, Nxb. Đại học Sư phạm.

(7) Trương La La (2024), *Sách lược đào tạo Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ ở các trường đại học cao cấp*, Tạp chí Học viện Nghề nghiệp Mỏ Hồ Bắc, 37 (12): 169-170+176.

(3) Triệu Lâm Thanh (2023), *Tìm hiểu sự khác biệt [ngữ khí từ] của ngôn ngữ tiếng Việt dưới góc độ giao tiếp đa văn hóa*, Tản Sỡ văn hóa, (10): 76 -79.